

# KHẢO SÁT VỀ KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM NHỰA DÙNG MỘT LẦN CỦA NGƯỜI DÂN TẠI 3 XÃ HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM\*, NĂM 2023

Nguyễn Ngọc Tuyên<sup>1</sup>, Đặng Quang Tân<sup>2\*</sup>  
Trần Quỳnh Anh<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Phương Oanh<sup>2</sup>  
Hoàng Thị Thu Hà<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Thu Hương<sup>2</sup>  
Chu Thị Hoàng<sup>2</sup>, Nguyễn Thanh Thảo<sup>2</sup>, Nguyễn Tất Thắng<sup>3</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng kiến thức, thực hành về sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và một số yếu tố liên quan đến thực hành giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

**Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 600 người dân tại 3 xã Ngọc Lũ, Trung Lương và An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, năm 2023.

**Kết quả:** 53,7% người dân có kiến thức chung ở mức đạt. Kiến thức về ảnh hưởng của nhựa và sản phẩm nhựa dùng một lần đến môi trường, sức khỏe con người và động vật khá tốt, tỉ lệ lần lượt là 93,3%, 94,8% và 84,7%. 62,7% người dân có thực hiện hành vi giảm thiểu rác thải nhựa. Các sản phẩm nhựa sử dụng một lần phổ biến nhất là túi nilon và chai nhựa. Hoạt động sử dụng túi nilon nhiều nhất là đi chợ, siêu thị để mua sắm. Nghề nghiệp, giới tính, độ tuổi và kiến thức về sản phẩm nhựa là các yếu tố liên quan có ảnh hưởng đến thực hành giảm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần.

**Kết luận:** Kiến thức và thực hành giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân còn ở mức trung bình, đồng thời chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố nhân khẩu học và mức độ kiến thức. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp nhằm cải thiện thực hành giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần trong cộng đồng.

**Từ khóa:** Nhựa dùng một lần, rác thải nhựa, kiến thức, thực hành.

## SURVEY ON KNOWLEDGE AND PRACTICES REGARDING SINGLE-USE PLASTIC PRODUCTS AMONG RESIDENTS OF THREE COMMUNES IN BINH LUC DISTRICT, HA NAM PROVINCE, IN 2023

### ABSTRACT

**Objectives:** To describe the status of knowledge and practices regarding the use of single-use plastic products and identify factors associated with practices to reduce single-use plastic consumption.

**Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 600 residents from Ngoc Lu, Trung Luong, and An Noi communes, Binh Luc District, Ha Nam Province, in 2023.

**Results:** Overall, 53.7% of residents had adequate general knowledge. Knowledge regarding the impacts of plastic and single-use plastic products on the environment, human health, and animals was relatively high, with rates of 93.3%, 94.8%, and 84.7%, respectively. A total of 62.7% of residents practiced behaviors aimed at reducing plastic waste. The most commonly used single-use plastic products were plastic bags and plastic bottles. Plastic bag use was most frequent during shopping at markets and supermarkets. Occupation, gender, age, and knowledge about plastic products were factors significantly associated with practices to reduce single-use plastic consumption.

**Conclusions:** People's knowledge and practices regarding reducing the use of single-use plastic products are at an average level, and are influenced by demographic factors and levels of education. The research results provide a scientific basis for proposing appropriate intervention solutions to improve practices for reducing the use of single-use plastic products in the community.

**Keywords:** Single-use plastics, plastic waste, knowledge, practices.

Chịu trách nhiệm nội dung: Đặng Quang Tân, email: dangquangtan@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 30/9/2024; mời phản biện khoa học: 10/2024; chấp nhận đăng: 25/02/2026.

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội

<sup>2</sup>Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội

<sup>3</sup>Viện Y học dự phòng Quân đội

\*Tên các địa phương xác định tại thời điểm nghiên cứu (năm 2023).

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những thập kỉ gần đây, nhiều sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng phổ biến được tạo ra từ vật liệu nhựa truyền thống do những ưu điểm về độ bền, tính linh hoạt, chi phí thấp... [1]. Thực trạng này dẫn đến sự tiêu thụ quá mức sản phẩm nhựa trên toàn cầu, với trên 350 triệu tấn rác thải nhựa hàng năm. Rác thải nhựa xả ra môi trường chưa qua xử lí đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đặc biệt, sản phẩm nhựa dùng một lần (NDML) chiếm tới 50% lượng nhựa sản xuất, gây tác động lớn đến hệ sinh thái và sức khỏe con người [2].

Mặc dù nhận thức trong cộng đồng về tác hại của nhựa ngày càng cao, song nhiều nghiên cứu vẫn cho thấy, người dân (ND) có thói quen sử dụng các sản phẩm nhựa trong cuộc sống hằng ngày [3, 4]. Việt Nam được ghi nhận là đất nước sử dụng các sản phẩm NDML phổ biến, tạo ra lượng rác thải nhựa xả ra môi trường biển đứng thứ 4 trên thế giới [5, 6]. Tuy nhiên, các nghiên cứu về vấn đề này, đặc biệt là ở khu vực nông thôn vẫn còn hạn chế.

Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (trước đây) là địa phương đang trong đà phát triển kinh tế nhanh chóng. Kèm theo đó là sự gia tăng trong ND việc sử dụng sản phẩm NDML, gây ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu đề tài này với mục tiêu mô tả thực trạng kiến thức, thực hành về sử dụng và một số yếu tố liên quan đến thực hành giảm sử dụng sản phẩm NDML của ND tại 3 xã thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, năm 2023.

## 2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

600 ND trên 18 tuổi, sống và làm việc trên 6 tháng, tại 3 xã Ngọc Lũ, Trung Lương và An Nội, Huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, năm 2023.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

- Cơ mẫu: áp dụng công thức ước lượng cỡ mẫu cho một tỉ lệ, tính được mẫu lý thuyết cho nghiên cứu là 587 đối tượng. Nghiên cứu của chúng tôi có 600 ND tham gia.

- Chọn mẫu: tại mỗi cụm thôn trong 3 xã nghiên cứu, chọn ngẫu nhiên 1 hộ gia đình; mỗi hộ gia đình được chọn có 1 người đại diện tham gia phỏng vấn khảo sát.

- Phương pháp thu thập số liệu: xây dựng bộ câu hỏi dựa trên một số bộ công cụ trước đây và điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm thực tế tại địa phương.

- Tiêu chuẩn đánh giá:

+ Về kiến thức: gồm 35 câu hỏi thuộc 5 nhóm nội dung liên quan đến nhựa và sản phẩm NDML (tổng điểm tối đa: 35 điểm). Với mỗi câu hỏi: trả lời đúng tính 1 điểm; trả lời sai hoặc không biết tính 0 điểm. ND được coi là có kiến thức đạt khi tổng điểm  $\geq 18$  điểm.

+ Về thực hành: gồm 12 hành vi giảm thiểu sử dụng NDML (tổng điểm tối đa 60 điểm). Sử dụng thang đo Likert với 4 mức độ từ “không bao giờ” đến “thường xuyên” (tương ứng từ 1 đến 4 điểm). ND được coi là có thực hành đạt khi tổng điểm  $\geq 30$  điểm.

- Xử lý và phân tích số liệu: bằng phần mềm SPSS 20.0.

- Đạo đức nghiên cứu: nghiên cứu được Hội đồng Khoa học Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Đại học Y Hà Nội thông qua.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm chung

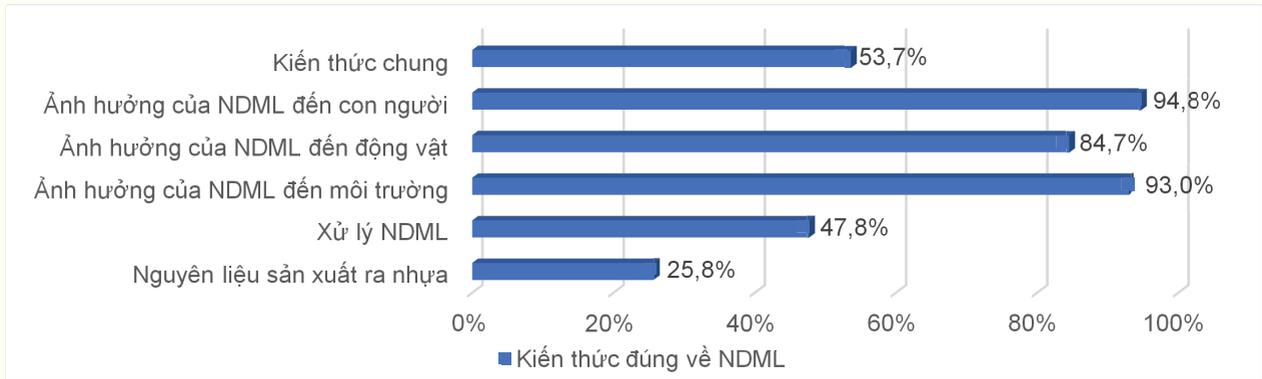
**Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu**

Đặc điểm (n = 600)		Số ND	Tỉ lệ %
Nhóm tuổi (tuổi)	Trung bình (min-max)	51,9 (18-90)	
	< 40	144	24,0
	40-59	248	41,3
	> 59	208	34,7
Giới tính	Nam	290	48,3
	Nữ	310	51,7
Dân tộc	Kinh	596	99,3
	Khác	4	0,7
Trình độ học vấn	Không có bằng cấp	45	7,5
	Tiểu học	78	13,0
	Trung học cơ sở	264	44,0
	Trung học phổ thông	160	26,7
	Trung học chuyên nghiệp trở lên	53	8,8
Nghề nghiệp	Nông dân	302	50,3
	Công nhân	93	15,5
	Công chức	27	4,5
	Kinh doanh	60	10,0
	Nội trợ	16	2,7
	Nghỉ hưu	52	8,7
	Khác	50	8,3

76,0% ND trên 40 tuổi, tuổi trung bình là 51,9 tuổi. 51,7% ND là nữ giới. Đa số ND thuộc dân tộc Kinh (99,3%), có trình độ trung học cơ sở trở lên (79,5%) và là nông dân (50,3%).

### 3.2. Kiến thức, thực hành về sử dụng sản phẩm NDML

#### 3.2.1. Kiến thức về sản phẩm NDML



Biểu đồ đánh giá kiến thức về nhựa và sản phẩm NDML của ND (n = 600).

53,7% ND có kiến thức chung về NDML đạt. Kiến thức của ND về ảnh hưởng của nhựa và NDML đến môi trường, sức khỏe con người và động vật lần lượt là 93,3%; 94,8% và 84,7%.

#### 3.2.2. Thực hành sử dụng sản phẩm NDML

**Bảng 2. Thực hành về sử dụng sản phẩm NDML của ND**

Thực hành sử dụng sản phẩm NDML (n = 600)		SỐ ND	Tỉ lệ (%)
Sản phẩm NDML sử dụng nhiều nhất	Chai nhựa	117	19,5
	Túi nilon	457	76,2
	Hộp, thùng xốp	13	2,2
	Bát, đĩa, cốc dùng một lần	7	1,2
	Không biết	6	0,9
Hoạt động sử dụng sản phẩm NDML nhiều nhất	Đi chợ, siêu thị mua sắm	438	73
	Đi du lịch, dã ngoại	8	1,3
	Đi ăn uống bên ngoài	28	4,7
	Mua đồ ăn từ bên ngoài	46	7,7
	Đựng rác thải	50	8,3
	Không biết	30	5
Số lượng túi nilon sử dụng hằng ngày	< 2 túi	88	14,7
	2-4 túi	241	40,2
	5-7 túi	148	24,7
	8-10 túi	55	9,2
	> 10 túi	45	7,5
	Không biết	23	3,8
Cách xử lý túi nilon và đồ nhựa sau khi sử dụng	Tái sử dụng	81	13,5
	Tái chế	28	4,7
	Vứt vào thùng rác	446	74,3
	Vứt ở bất cứ nơi nào thuận tiện	12	2
	Đốt	33	5,5
Thực hành chung	Đạt	376	62,7
	Chưa đạt	224	37,3

Tỉ lệ ND có thực hành chung đạt trong nghiên cứu là 62,7%. Túi nilon là loại NDML được sử dụng nhiều nhất (76,2%), kể đến là chai nhựa (19,5%). 73,0% ND sử dụng NDML cho việc đi chợ, siêu thị mua sắm.

Sau khi sử dụng, 74,3% ND vứt đồ nhựa vào thùng rác. 62,7% ND đang thực hiện tốt các hành vi nhằm giảm thiểu rác thải nhựa.

**Bảng 3. Tần suất thực hiện các hành vi giúp giảm rác thải nhựa**

Hành vi giảm thải rác nhựa (n = 600)	Tần suất thực hiện hành vi (ND, %)			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Mang theo túi vải, đồ đựng để hạn chế dùng túi nilon	127 (21,1)	153 (25,5)	125 (20,8)	195 (32,5)
Mang theo bình đựng nước, đồ đựng khi đi ăn, uống bên ngoài	153 (25,5)	158 (26,3)	140 (23,3)	149 (24,8)
Không dùng túi nilon để đựng rác	82 (13,7)	97 (16,2)	139 (23,2)	282 (47)
Chọn sản phẩm có bao bì nhựa ít hơn, ưu tiên sản phẩm đựng bằng giấy, lá chuối, gỗ...	60 (10,0)	142 (23,7)	186 (31,0)	212 (35,3)
Ngừng mua tại cửa hàng, quán ăn sử dụng bát, đĩa, dao, đĩa... dùng một lần	69 (11,5)	82 (13,7)	166 (27,7)	283 (47,2)
Mua sắm tại các cửa hàng cam kết sử dụng sản phẩm hữu cơ, dễ phân hủy, sử dụng nhiều lần	72 (12,0)	117 (19,5)	161 (26,8)	250 (41,7)
Tái sử dụng túi nilon, ống hút nhựa, cốc NDML...	56 (9,3)	113 (18,8)	110 (18,3)	321 (53,5)
Mua các sản phẩm làm từ vật liệu có thể tái chế (thủy tinh, gỗ, nhựa tái chế)	112 (18,7)	173 (28,8)	148 (24,7)	167 (27,8)
Phân loại rác thải tái chế mang đến các cơ sở tái chế	194 (32,3)	177 (29,5)	80 (13,3)	149 (24,8)
Làm ra các đồ vật trang trí từ túi nilon, lọ nhựa	34 (5,7)	89 (14,8)	101 (16,8)	376 (62,7)
Tuyên truyền cách giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa cho mọi người xung quanh	63 (10,5)	127 (21,2)	161 (26,8)	249 (41,5)
Tìm hiểu tác hại của NDML	70 (11,7)	93 (15,5)	127 (21,2)	310 (51,7)

Đa số ND khi được phỏng vấn về tần suất thực hiện các hành vi giúp giảm rác thải nhựa đều cho biết họ không thường xuyên thực hiện các hành vi này. Tỷ lệ thường xuyên thực hiện các hành vi giúp giảm rác thải nhựa ở 600 ND nghiên cứu chỉ đạt từ 5,7% (với hành vi làm ra các đồ vật trang trí từ túi nilon, lọ nhựa) đến 32,3% (với hành vi phân loại rác thải tái chế mang đến các cơ sở tái chế).

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến thực hành giảm sử dụng sản phẩm NDML của ND**

Thực hành giảm thiểu rác thải nhựa của nữ giới cao hơn 1,56 lần so với nam giới (95% CI: 1,12-2,18). ND trong nhóm tuổi dưới 40 thực hành đạt gấp 2,51 lần so với nhóm tuổi trên 59 (95% CI: 1,55-4,06). Công chức thực hành đạt cao hơn 3,84 lần so với nông dân (95% CI: 1,29-11,39). Những người có kiến thức đạt có thực hành đạt cao hơn 2,78 lần so với những người có kiến thức chưa đạt (95% CI: 1,98-3,92).

**Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm kiến thức ND với thực hành sử dụng sản phẩm NDML**

Đặc điểm		OR	95% CI
Giới tính	Nam giới	1	-
	Nữ giới	1,56	1,12-2,18
Nhóm tuổi	> 59 tuổi	1	-
	< 40 tuổi	2,51	1,55-4,06
	40-59 tuổi	0,97	0,67-1,42
Nghề nghiệp	Nông dân	1	-
	Công nhân	1,56	0,94-2,56
	Công chức	3,84	1,29-11,39
	Buôn bán	0,87	0,49-1,53
	Nội trợ	1,11	0,39-3,14
	Nghỉ hưu	0,66	0,37-1,21
Kiến thức	Khác	1,91	0,97-3,72
	Chưa đạt	1	-
	Đạt	2,78	1,98-3,92

#### 4. BÀN LUẬN

53,7% ND có kiến thức đạt về NDML; tương tự nghiên cứu của Vũ Thái Sơn [6] (55,6%) và lớn hơn N Srinivasan [7] (46%). 25,8% ND biết dầu mỡ và khí đốt là nguyên liệu sản xuất nhựa; 47,8% ND biết xử lý sản phẩm NDML bằng cách phân loại và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Kết quả này cao hơn khảo sát của Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên [8] (21% và 37,8%). Tỷ lệ ND biết rác thải nhựa gây ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe con người và động vật lần lượt là 93,3%, 94,8% và 84,7%; tương đương nghiên cứu của Vũ Thái Sơn [6], Vũ Thanh Ca (2020) [9], và N Srinivasan [7]. Điều này có thể do hiệu quả của công tác tuyên truyền về tác hại của rác thải nhựa cũng như sự nhận thức của ND về các tác động tiêu cực từ rác thải nhựa. Sản phẩm NDML được ND dùng nhiều nhất là túi nilon (76,2%) và chai nhựa (19,5%); tương tự nghiên cứu của Nguyễn Minh Thương và cộng sự (2021) [10] (92,8% sản phẩm NDML sử dụng là túi nilon).

Sau khi sử dụng, đa số ND sẽ vứt bỏ rác thải nhựa (74,3%); tương tự nghiên cứu của Nguyễn Trung Hoàng và cộng sự (2021) [11]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, chỉ có 2% ND vứt rác bờ bãi, nhưng có đến 54% ND không phân loại rác trước khi vứt bỏ. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên [8] (5-10% đối tượng xả rác bờ bãi và 55% không phân loại rác trước khi thu gom). Điều này có thể do ND có kiến thức tốt về tác hại của rác thải, song còn thiếu kiến thức về phân loại rác thải từ sản phẩm NDML. 32,5% ND không bao giờ mang theo túi vải, đồ đựng để hạn chế sử dụng túi nilon; cao hơn nghiên cứu của Vũ Thái Sơn [6] (15,2%). 62,7% ND thực hành đạt về giảm thiểu rác thải nhựa; cao hơn các nghiên cứu của N Srinivasan [7] (22,8%), Vũ Thái Sơn [6] (47,8%), Nguyễn Thị Minh Thương [10] (35,4%). Điều này cho thấy, thực hành chung về sử dụng sản phẩm nhựa, xử lý rác thải nhựa của ND có xu hướng ngày càng tốt hơn.

ND có kiến thức đạt thì có khả năng thực hành đạt cao hơn 2,78 lần so với những người có kiến thức chưa đạt. Điều này có thể do kiến thức càng tốt thì khả năng áp dụng vào thực tế sẽ tốt hơn.

Cần tiếp tục nghiên cứu khai thác những yếu tố tác động đến tình trạng thực hành sử dụng NDML và áp dụng đo lường thực hành giải quyết các vấn đề về liên quan tới rác thải nhựa bằng kỹ thuật quan sát để đem lại kết quả chính xác hơn.

#### 5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ kiến thức và thực hành đạt của người dân về sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần lần lượt là 53,7% và 62,7%. Độ tuổi, nghề nghiệp và giới tính và kiến thức về sản phẩm nhựa là các yếu tố có mối liên quan có ý nghĩa thống kê đến thực hành giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. T. Narancic, K.E O'Connor, "Plastic waste as a global challenge: Are biodegradable plastics the answer to the plastic waste problem?", *Microbiology*, 165 (2), pp. 129-137, 2019.
2. T. Uehara, M. Asari, R. Sakurai, *et al.*, "Behavioral barrier-based framework for selecting intervention measures toward sustainable plastic use and disposal", *Journal of Cleaner Production*, 384 (135609), 2023.
3. H. Shaira, I.M Ismail, N. Ahmed, *et al.*, "Assessment of knowledge, attitude and practice regarding single use plastics among the residents of a rural area in a coastal district of Karnataka-a descriptive study," *National Journal of Community Medicine*, 11, pp. 87-92, 2020.
4. Leal Filho W, Salvia A.L, Bonoli A, *et al.*, "An assessment of attitudes towards plastics and bioplastics in Europe", *Science of the Total Environment*, 2021; 755:142732, 2021.
5. Wang H, "Zero plastic waste in Vietnam: Based on an Innovative 3R Strategy", *Frontiers in Business, Economics and Management*, 2022; 6 (2), pp. 169-172, 2022.
6. Vũ Thái Sơn, Nguyễn Thị Hương, "Thực trạng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân tại một thị trấn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và một số yếu tố liên quan năm 2022", *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, số 63, tr. 219-225, 2023.
7. Srinivasan N, Swarnapriya V, *et al.*, "Assessment of knowledge and practice on plastics among the professional course students of Annamalai University", *Tamil Nadu*, 6, pp. 510-514, 2019.
8. Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên, *Báo cáo Thường niên WWF - Việt Nam FY 2018-2019*, 2019.
9. Vũ Thanh Ca, Hoàng Thị Huệ, Trịnh Thị Minh Trang và cộng sự, "Nghiên cứu thái độ của người dân thành phố Hạ Long đối với việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần", *Tạp chí Y học Môi trường*, số 1, tr. 78-83, 2020.
10. Nguyễn Thị Minh Thương, Hoàng Thị Thảo và cộng sự, "Thực trạng sử dụng đồ NDML và một số yếu tố liên quan ở ND thành phố Huế năm 2020", *Tạp chí Y học dự phòng*, số 31 (6), tr.105-113, 2021.
11. Nguyễn Trung Hoàng, Nguyễn Thị Lan Bình, "Khảo sát thói quen sử dụng nhựa và đánh giá độ an toàn của các vật dụng nhựa sử dụng ở một số hộ gia đình tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, số 49 (1), tr. 222-239, 2021. □